



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II

Chương trình Tiếng Anh Toán lớp 3 - Smart Maths 3

(Năm học: 2022-2023)

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

- HS ôn tập các từ vựng, cấu trúc chính đã học từ tuần 17 đến tuần 28.

Tên chương/ Tên tiết học	Mục tiêu	Ôn tập từ vựng	Ôn tập cấu trúc
Unit 3. Time (Thời gian)	- Đọc giờ kém 15 phút, hơn 15 phút và hơn 30 phút bằng tiếng Anh. - Sử dụng “a.m” và “p.m” để nói giờ.	- a quarter to five (5 giờ kém 15) - a quarter past 5 (5 giờ 15 phút/ 5:15) - half past five (5 rưỡi/ 5 giờ 30 phút/ 5:30) - a.m (dùng cho giờ sáng) VD: 5 a.m (5 giờ sáng) - p.m (dùng cho giờ chiều và tối) VD: 5 p.m (5 giờ chiều)	• What time is it? (Bây giờ là mấy giờ?) - It's half past five. (Bây giờ là 5 rưỡi.)
Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (Phép nhân và phép chia –	- Đọc bảng nhân 8 và 9 bằng tiếng Anh. - Xác định thừa số và tích.	- factor (thừa số) - product (tích)	$8 \times 4 = 32$ 8 multiplied by 4 equals 32.

Tiếp theo) Lesson 1. Multiplication tables of 8 and 9 (<i>Bảng nhân 8 và 9</i>)			= 8 times 4 equals 32. (<i>8 nhân 4 bằng 32.</i>)
Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (<i>Phép nhân và phép chia – Tiếp theo</i>) Lesson 2. Multiplication (Phép nhân)	- Đọc các phép tính nhân. - Xác định thừa số và tích. - Ôn đọc, viết số có 3 chữ số bằng tiếng Anh.		$12 \times 6 = 72$ 12 multiplied by 6 equals 72. = 12 times 6 equals 72. (<i>12 nhân 6 bằng 72.</i>)
Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (<i>Phép nhân và phép chia – Tiếp theo</i>) Lesson 3. Division tables of 8 and 9. (<i>Bảng chia cho 8 và 9</i>)	- Đọc bảng chia cho 8 và 9. - Xác định số bị chia, số chia và thương.	- dividend (<i>số bị chia</i>) - divisor (<i>số chia</i>) - quotient (<i>thương</i>)	$32 : 8 = 4$ 32 divided by 8 equals 4. (<i>32 chia 8 bằng 4.</i>)
Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (<i>Phép nhân và phép chia – Tiếp theo</i>) Lesson 4. Division (Phép chia)	- Đọc các phép tính chia. - Xác định số bị chia, số chia, thương và số dư của phép chia có dư. - Ôn đọc, viết số có 3 chữ số bằng tiếng Anh.	- remainder (<i>số dư</i>) - left over (<i>còn thừa, còn dư</i>)	$19 : 6 = 3 \text{ R } 1$ 19 divided by 6 equals 3 with a remainder of 1. (<i>19 chia 6 bằng 3, dư 1.</i>)
Unit 4. Multiplication and division (Cont.) (<i>Phép nhân và phép chia – Tiếp theo</i>) Lesson 5. Word problems (<i>Các bài toán có lời văn</i>)	- Giải các bài toán có lời văn đơn giản liên quan đến phép nhân và phép chia. - Xem lại các bài toán trong tài liệu.	- double (<i>gấp đôi</i>) - each (<i>mỗi</i>) - share (<i>chia nhau</i>) - equally (<i>đều nhau</i>) - left over (<i>còn thừa, còn dư</i>)	

Unit 5. Length and perimeter (Độ dài và chu vi) Lesson 1. Length (Độ dài)	- Đọc & viết các đơn vị đo độ dài. - Quy đổi các đơn vị đo độ dài - Hỏi và trả lời về độ dài và chiều cao của 1 vật.	- millimetre/mm (mi-li-mét) - centimetre/ cm (xăng-ti-mét) - metre/ m (mét) - kilometre/ km (ki-lô-mét) - one thousand (một nghìn)	- How tall is the giraffe? (Con hươu cao bao nhiêu?) - It's 5 m tall. (Nó cao 5 mét.) - How long is the fish? (Con cá dài bao nhiêu?) - It's 20 cm long. (Nó dài 20 xăng-ti-mét.)
Unit 5. Length and perimeter (Chương 5. Độ dài và chu vi) Lesson 2. Length word problems (Bài toán liên quan đến độ dài)	- Giải một số bài toán có lời văn liên quan đến độ dài - Xem lại các bài toán trong tài liệu.	- taller (cao hơn) - shorter (thấp hơn) - longer (dài hơn) - shorter (ngắn hơn)	- The tree is 1m taller than the giraffe. (Cái cây cao hơn con hươu 1 mét.) - The giraffe is 1m shorter than the tree. (Con hươu thấp hơn cái cây 1 mét.)
Unit 5. Length and perimeter (Độ dài và chu vi) Lesson 3. Introduction to perimeter (Giới thiệu về chu vi)	Tìm chu vi của hình tam giác và hình tứ giác.	- perimeter (chu vi) - quadrilateral (hình tứ giác) - triangle (hình tam giác) - side (cạnh)	The perimeter of the triangle ABC is 13 cm. (Chu vi của hình tam giác ABC là 13 cm.)
Unit 5. Length and perimeter (Độ dài và chu vi) Lesson 4. Perimeter of a square and a rectangle (Chu vi hình vuông và hình chữ nhật)	- Tìm chu vi hình vuông và hình chữ nhật. - HS ôn lại công thức tính chu vi hình vuông và hình chữ nhật: Chu vi hình vuông = chiều dài 1 cạnh $\times 4$ Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) $\times 2$	- width (chiều rộng) - length (chiều dài) - rectangle (chữ nhật) - square (hình vuông) - length of a side (chiều dài 1 cạnh)	

II. HANDOUT ÔN TẬP

A. LISTENING

❶ Listen and circle the correct number. / Nghe và khoanh tròn vào số được nhắc đến.

a.



b.



c.

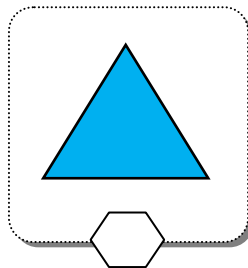
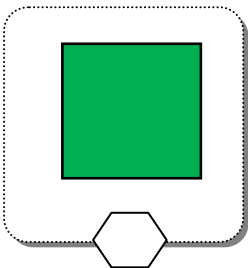


d.



❷ Listen and tick ✓ the correct picture. / Nghe và đánh dấu ✓ vào tranh đúng.

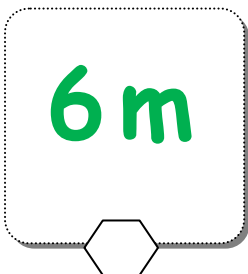
a.



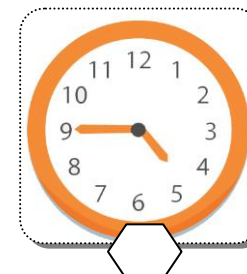
b.



c.



d.



3 Listen and circle the correct words. / *Nghe và khoanh tròn từ đúng.*



1. The perimeter of the _____ is 20 cm.

A. triangle

B. square

C. rectangle



2. The tree is _____ than the giraffe.

A. shorter

B. taller

C. smaller

B. READING & WRITING

1 Circle the correct answers. / *Khoanh tròn đáp án đúng.*



1. In the division $30 : 4 = 7 \text{ R } 2$, the number 4 is the

A. divisor

B. dividend

2. In the division $73 : 9 = 8 \text{ R } 1$, the number 1 is the

A. quotient

B. remainder

3. In the division $24 : 8 = 3$, the number 24 is the

A. dividend

B. factor

4. In the division $18 : 9 = 2$, the number 2 is the

A. product

B. quotient

② Read and write. / *Đọc và viết các số đo.*

<i>E.g. two centimetres</i>	<u>2 cm</u>
a. fourteen millimetres	
b. seven kilometres	
c. three hundred and sixty centimetres	
d. two hundred and one metres	

③ Complete the table. / *Hoàn thành bảng sau.*

a.

Length of the rectangle	5 cm	8 cm
Width of the rectangle	4 cm	7 cm
Perimeter of the rectangle		

b.

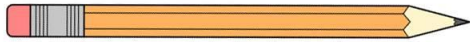
Length of a side	4 cm	6 cm
Perimeter of the square		

4 Solve the word problems. / Giải các bài toán có lời văn sau. (☆☆)

- a. A crayon is 90 mm long. A pencil is 60 mm **longer** than the crayon.
How long is the pencil?



.....



The crayon is

- b. Mike is 150 cm tall. Alex is 10 cm **taller** than Mike. How tall is Alex?



Mike



Alex

.....

Alex is

ĐÁP ÁN

A. LISTENING

① Listen and circle the correct number.

a.  

b.  

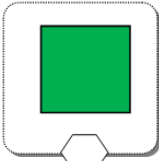
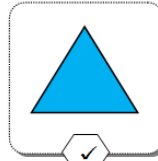
c.  

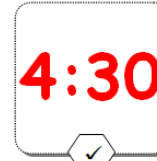
d.  

Tapescript:

- a. two hundred b. four hundred
c. one hundred and sixty d. two hundred and ten

② Listen and tick ✓ the correct picture.

a.  

b.  

c.  

d.  

Tapescript:

- a. triangle b. half past four
c. six metres d. a quarter past five

③ Listen and circle the correct words.

1. A

2. B

Tapescript:

1. The perimeter of the triangle is 20 cm.
2. The tree is taller than the giraffe.

B. READING & WRITING

① Circle the correct answers.

1. A

2. B

3. A

4. B

② Read and write.

a. 14 mm

b. 7 km

c. 360 cm

d. 201 m

③ Complete the table.

a.

Length of the rectangle	5 cm	8 cm
Width of the rectangle	4 cm	7 cm
Perimeter of the rectangle	<u>18 cm</u>	<u>30 cm</u>

b.

Length of a side	4 cm	6 cm
Perimeter of the square	<u>16 cm</u>	<u>24 cm</u>

④ Solve the word problems.

a. $90 + 60 = 150$ (mm)

The pencil is 150 mm long.

b. $150 + 10 = 160$ (cm)

Alex is 160 cm tall.